

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ YÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26/2017/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 21 tháng 9 năm 2017

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy định mức thu, quản lý lệ phí hộ tịch
trên địa bàn tỉnh Phú Yên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 98/TTr-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức thu, quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 43/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên về việc quy định mức thu, quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 21 tháng 9 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2017./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt

QUY ĐỊNH

Mức thu, quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên

(Ban hành kèm theo nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND

ngày 21 tháng 9 năm 2017 của HĐND tỉnh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch theo qui định của pháp luật.

b) Miễn lệ phí hộ tịch trong những trường hợp sau:

Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.

Đăng ký khai sinh đúng hạn, khai tử đúng hạn; đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ; đăng ký kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước, thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 2. Nội dung và mức thu lệ phí

1. Cơ quan thu lệ phí

Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

2. Mức thu lệ phí

TT	Danh mục lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu
I	Lệ phí hộ tịch tại UBND xã, phường, thị trấn		
1	Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh không đúng hạn; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	đ/trường hợp	8.000
2	Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử không đúng hạn; đăng ký lại khai tử)	đ/trường hợp	5.000
3	Đăng ký lại kết hôn	đ/trường hợp	30.000
4	Nhận cha, mẹ, con	đ/trường hợp	10.000
5	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa	đ/trường hợp	10.000

	đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước		
6	Bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước	đ/trường hợp	10.000
7	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	đ/trường hợp	5.000
8	Xác nhận hoặc ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác	đ/trường hợp	5.000
9	Đăng ký hộ tịch khác	đ/trường hợp	5.000
II	Lệ phí hộ tịch tại UBND huyện, thị xã, thành phố		
1	Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh đúng hạn, không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	đ/trường hợp	50.000
2	Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử đúng hạn, không đúng hạn, đăng ký lại khai tử)	đ/trường hợp	50.000
3	Kết hôn (bao gồm: đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn)	đ/trường hợp	1.000.000
4	Giám hộ, chấm dứt giám hộ	đ/trường hợp	50.000
5	Nhận cha, mẹ, con	đ/trường hợp	1.500.000
6	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người đủ 14 tuổi trở lên cư trú trong nước	đ/trường hợp	25.000
7	Xác định lại dân tộc	đ/trường hợp	25.000
8	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài	đ/trường hợp	25.000
9	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	đ/trường hợp	50.000
10	Đăng ký hộ tịch khác	đ/trường hợp	50.000

3. Quản lý lệ phí

Lệ phí hộ tịch là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, nộp toàn bộ 100% lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước. Cơ quan thu lệ phí phải nộp đầy đủ, kịp thời số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của cơ quan thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt